

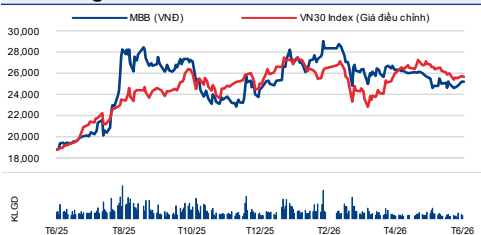
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ31,800
Tiềm năng tăng/giảm: 26.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/6/2026)	25,200
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,803-29,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,167
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	202,987
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,712
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,933
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.10
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,616	1,926	2,493
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,086	1,365	1,781
Tổng thu nhập HD (ntđ)	67.7	79.6	96.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	26.8	30.7	36.8
BVPS (đồng)	16,901	20,485	24,710
EPS (đồng)	3,325	3,809	4,568
DPS (đồng)	227	1,000	0
T.trưởng cho vay KH (%)	39.7	25.6	30.5
T.trưởng thu nhập HD (%)	22.2	17.7	21.6
Tăng trưởng EPS (%)	17.3	14.6	19.9
Tăng trưởng DPS (%)	(31.4)	340	(100)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	6.84	26.3	0
ROAE (%)	21.6	20.4	20.2
ROAA (%)	1.95	1.73	1.66
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.67	3.51
Tỷ lệ CIR (%)	29.1	28.2	28.5
Hệ số CAR (%)	10.2	10.0	9.47
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.29	1.44	1.35
LLR/nợ xấu (%)	93.9	90.2	93.6
Hệ số LDR (%)	118	123	114
P/B (lần)	1.49	1.23	1.02
P/E (lần)	7.58	6.62	5.52
Lợi suất cổ tức (%)	0.90	3.97	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Những thông tin chính tại EV26: Kế hoạch tham vọng giữ nguyên

- MBB giữ nguyên kế hoạch năm 2026 với tăng trưởng tín dụng 30-35% và tăng trưởng LNTT 15%, đồng thời cho biết tăng trưởng cho vay của Ngân hàng mẹ trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt hơn 10% kể từ đầu năm và Ngân hàng chưa nhận thông báo chính thức về việc hạ hạn mức tăng trưởng tín dụng.
- BLĐ kỳ vọng 6 tháng đầu năm 2026 sẽ hoàn thành khoảng 50% kế hoạch cả năm ở cả tăng trưởng tín dụng và lợi nhuận thuần. Áp lực lên tỷ lệ NIM có vẻ đã tạo đáy trong tháng 1-2/2026.
- Quan điểm của MBB tích cực hơn một chút so với chúng tôi. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm và kế hoạch tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2026 của BLĐ cao hơn dự báo. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Hội nghị Emerging Vietnam 2026 của HSC

MBB đã tham dự hội nghị Emerging Vietnam của chúng tôi tổ chức ngày 10-12/6/2026 với một số thông tin chính như sau:

Kế hoạch tham vọng được giữ nguyên

MBB giữ nguyên kế hoạch tăng trưởng tín dụng đầy tham vọng ở mức 30-35% và kế hoạch tăng trưởng LNTT đạt khoảng 15% trong năm 2026, bất chấp môi trường hoạt động nhiều thách thức hơn.

Sau 5 tháng, tăng trưởng cho vay của Ngân hàng mẹ đạt hơn 10% kể từ đầu năm (so với tăng khoảng 3% trong Q1/2026). BLĐ kỳ vọng KQKD 6 tháng đầu năm 2026 sẽ hoàn thành khoảng 50% kế hoạch cả năm ở cả tăng trưởng tín dụng và lợi nhuận thuần. MBB lưu ý rằng Ngân hàng chưa nhận được văn bản chính thức về việc hạ hạn mức tăng trưởng tín dụng. Do đó, MBB tiếp tục triển khai theo kế hoạch kinh doanh ban đầu.

Q1/2026 được xem là quý khó khăn nhất do chi phí huy động tăng đột ngột. Tuy nhiên, chênh lệch giữa lợi suất cho vay và chi phí tiền gửi có vẻ đã tạo đáy trong tháng 1-2 và cải thiện trong tháng 3-5, khi áp lực chi phí huy động hạ nhiệt và lãi suất cho vay có thời gian điều chỉnh lại. MBB kỳ vọng tỷ lệ NIM trong 6 tháng cuối năm 2026 tối thiểu tương đương 6 tháng đầu năm 2026 và có thể tốt hơn nếu không có thêm cú sốc bất ngờ.

Quan điểm về điều kiện vĩ mô và lãi suất

MBB cho rằng Việt Nam không nên phụ thuộc quá mức vào việc tăng trưởng tín dụng để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP cao. Thay vào đó, tăng trưởng nên được hỗ trợ nhiều hơn từ các biện pháp về phía cung, bao gồm cải thiện hiệu quả đầu tư công, tháo gỡ vướng mắc của các dự án và chuyển hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất thay vì các hoạt động đầu cơ. MBB cũng cho rằng các nhà hoạch định chính sách nhận thức được sự cần thiết phải cân bằng giữa tăng trưởng và ổn định vĩ mô, đặc biệt là trước áp lực lạm phát, tỷ giá và thanh khoản hệ thống.

Đối với lãi suất, MBB lưu ý rằng lãi suất tiền gửi mới có vẻ đã đạt đỉnh vào khoảng tháng 3 và giảm nhẹ trong tháng 4-5 theo chỉ thị của NHNN. Tuy nhiên, Ngân hàng không kỳ vọng lãi suất tiền gửi sẽ giảm mạnh trong bối cảnh nhu cầu huy động trên toàn hệ thống vẫn ở mức cao và các yếu tố ràng buộc bên ngoài như lãi suất toàn cầu, lạm phát và áp lực tỷ giá vẫn lớn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/6.

(Xem tiếp trang 2)

Thảo luận về các chủ đề khác

Động lực tăng trưởng tín dụng:

- MBB tiếp tục ưu tiên cho vay phân khúc bán lẻ, sản xuất, thương mại và logistics. Cơ sở hạ tầng cũng đang được chú trọng hơn khi Ngân hàng điều chỉnh chiến lược cho vay phù hợp với các động lực tăng trưởng GDP chính.
- Cho vay mua nhà không được xem là động lực tăng trưởng chính trong khi tỷ trọng cho vay hộ kinh doanh đã tăng lên trong cơ cấu cho vay bán lẻ.
- Đối với ngành BĐS, MBB lưu ý rằng cho vay BĐS đã tăng trưởng nhanh hơn bình quân nhưng nhấn mạnh rằng đây không phải lĩnh vực ưu tiên. Thị phần cho vay BĐS của Ngân hàng ở mức khoảng 2,3%, vẫn thấp hơn nhiều so với bình quân ngành ở mức 5,5%, cho thấy MBB không tập trung quá mức vào ngành này.
- Đại diện MBB cũng bày tỏ sự thận trọng đối với khả năng phục hồi mạnh của thị trường BĐS, trong bối cảnh giá nhà đất cao so với thu nhập hộ gia đình và định hướng của Chính phủ về việc chuyển dịch dòng vốn ra khỏi các hoạt động đầu cơ.

Huy động và tiền gửi không kỳ hạn:

- Tăng trưởng huy động chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng, phản ánh áp lực thanh khoản trên toàn hệ thống. Đại diện MBB kỳ vọng cạnh tranh huy động sẽ tiếp tục gay gắt, không chỉ trong năm nay mà còn trong những năm tới. Để ứng phó với áp lực huy động, MBB sẽ sử dụng nhiều kênh huy động.
- Tiền gửi không kỳ hạn giảm mạnh chủ yếu do lãi suất tiền gửi tăng và chính sách thuế đối với hộ kinh doanh. Điều này khiến một số khách hàng giữ nhiều tiền mặt hơn bên ngoài hệ thống ngân hàng. MBB chịu ảnh hưởng nhiều hơn so với bình quân ngành do tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn từ khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh cao. MBB kỳ vọng áp lực lên tiền gửi không kỳ hạn sẽ dần hạ nhiệt khi khách hàng thích nghi với chính sách thuế mới và Chính phủ tiếp tục thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.
- Vay nước ngoài hiện không quá hấp dẫn với tổng chi phí ước tính khoảng 7-8% sau khi bao gồm chi phí phòng ngừa rủi ro và phí. MBB cũng ưu tiên nguồn vốn trong nước nếu chi phí tương đương do khách hàng trong nước mang lại cơ hội tốt hơn để bán chéo sản phẩm và mở rộng quan hệ khách hàng.
- Đại diện MBB cho rằng tiền đền bù GPMB là một nguồn thanh khoản ngắn hạn tiềm năng cho hệ thống ngân hàng do các hộ gia đình nhận tiền đền bù có thể gửi một phần trở lại dưới dạng tiền gửi. Tuy nhiên, nguồn thanh khoản này cần được đánh giá thận trọng vì có thể đến từ chi tiêu của Chính phủ hoặc từ vốn vay ngân hàng.

Chất lượng tài sản và nợ xấu:

- MBB cho rằng áp lực lên chất lượng tài sản từ xu hướng tăng của lãi suất cho vay hiện vẫn trong tầm kiểm soát. Lãi suất gia tăng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ của khách hàng nhưng mặt bằng lãi suất cho vay hiện tại vẫn chưa tạo gánh nặng quá lớn.
- Đối với rủi ro GPMB, đại diện MBB cho rằng tác động lên chất lượng tài sản là hạn chế, do các ngân hàng nhìn chung tránh hoặc định giá thận trọng đối với tài sản bảo đảm nằm trong các khu vực quy hoạch trước đó. Có thể xảy ra một số trường hợp bất ngờ nhưng khó có tác động đáng kể.

Nguồn vốn và hệ số CAR:

- Nguồn vốn vẫn dồi dào với hệ số CAR ở mức khoảng 11%, cao hơn quy định là 8%. MBB không có kế hoạch để hệ số CAR giảm xuống dưới 10%.
- Ngoài các phương án tăng vốn đã được ĐHCĐ thông qua, bao gồm chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ khoảng 2% cho một NĐT chuyên nghiệp, đại diện MBB cho biết Ngân hàng

không có thêm kế hoạch tăng vốn khác. Phát hành trái phiếu cấp 2 vẫn nằm trong kế hoạch và sẽ được thực hiện thành nhiều đợt để tối ưu chi phí.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Nhìn chung, quan điểm của MBB có vẻ tích cực hơn một chút so với chúng tôi, đặc biệt là về lãi suất, sự phục hồi của tỷ lệ NIM và chất lượng tài sản. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm đạt hơn 10% kể từ đầu năm và MBB kỳ vọng kết quả 6 tháng đầu năm 2026 sẽ hoàn thành khoảng 50% kế hoạch cả năm, đều tích cực hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi. HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu cho MBB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	69.1	89.1	128	151	183
Chi phí lãi	(27.9)	(37.5)	(64.5)	(75.3)	(88.7)
Thu nhập lãi thuần	41.2	51.6	63.2	75.8	94.0
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.37	6.58	8.05	9.45	11.4
Lãi thuần HĐ KDNH	2.00	1.76	1.86	3.51	4.57
Lãi/lỗ từ mua bán CK	4.56	2.26	0.56	1.75	2.27
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.05	0.17	0.17	0.17	0.17
Thu nhập khác	3.28	5.31	5.75	6.21	7.67
Tổng thu nhập HĐ	55.4	67.7	79.6	96.9	120
Chi phí HĐ	(17.0)	(19.7)	(22.4)	(27.6)	(34.1)
LN trước dự phòng	38.4	48.0	57.2	69.2	86.0
Chi phí dự phòng	(9.58)	(13.7)	(17.9)	(22.2)	(27.0)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	28.8	34.3	39.3	47.0	58.9
Chi phí thuế TNDN	(5.88)	(6.89)	(7.85)	(9.40)	(11.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.32)	(0.60)	(0.73)	(0.81)	(0.89)
Lợi nhuận thuần	22.6	26.8	30.7	36.8	46.2
EPS (đồng)	2,834	3,325	3,809	4,568	5,742
DPS (đồng)	331	227	1,000	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,985	8,055	8,055	8,055	8,055
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.35	4.97	6.74	9.21	11.4
Tiền gửi tại NHNN	29.8	68.5	27.0	36.8	45.6
Tiền gửi tại các TCTD khác	76.8	183	165	192	235
Chứng khoán kinh doanh	7.93	4.65	6.40	8.59	10.5
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	766	1,073	1,347	1,759	2,116
Tổng dư nợ cho vay	778	1,086	1,365	1,781	2,143
Dự phòng rủi ro	(11.7)	(13.2)	(17.7)	(22.5)	(26.6)
Chứng khoán đầu tư	210	226	314	420	515
CK đầu tư sẵn sàng để bán	206	222	310	414	507
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.61	4.30	4.81	6.44	7.89
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.23)	(0.30)	(0.43)	(0.48)
Đầu tư dài hạn	0.61	0.47	0.47	0.47	0.47
Tài sản cố định	5.66	5.84	5.87	6.37	6.87
Tài sản khác	29.0	49.5	53.2	60.4	68.4
Tổng tài sản	1,129	1,616	1,926	2,493	3,009
Nợ phải trả	1,012	1,474	1,755	2,288	2,761
Tiền gửi của NHNN	8.16	47.5	27.8	0.00	0.00
Tiền gửi của các TCTD khác	110	248	306	361	390
Tổng tiền gửi KH	714	921	1,106	1,566	1,938
Trái phiếu và CCTG	129	187	243	276	342
Nợ khác	50.1	68.9	72.7	84.5	89.9
Vốn chủ sở hữu	112	136	165	199	242
Vốn điều lệ	53.1	80.5	101	121	145
Thặng dư vốn cổ phần	1.30	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	40.7	32.6	37.2	46.4	59.4
Quỹ & vốn khác của CSH	17.1	21.7	25.8	30.5	36.1
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.91	5.89	6.16	6.16	6.16
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,129	1,616	1,926	2,493	3,009
BVPS (đồng)	13,923	16,901	20,485	24,710	30,021

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.5	43.1	19.2	29.5	20.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	26.9	39.7	25.6	30.5	20.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	25.8	29.0	20.0	41.6	23.8
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	21.5	31.5	21.6	36.6	23.8
Tăng trưởng VCSH (%)	20.9	21.4	21.2	20.6	21.5
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	6.38	25.4	22.5	19.8	24.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	14.0	15.7	14.0	23.2	23.4
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.6	25.0	19.2	21.0	24.2
Tăng trưởng LNTT (%)	9.59	18.9	14.6	19.7	25.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	9.46	18.3	14.6	19.9	25.7

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.34	4.93	4.50	4.38	4.36
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.64)	(1.43)	(1.27)	(1.25)	(1.24)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.4	97.3	97.3	97.7	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.97	3.59	4.03	4.53	5.41
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	71.0	81.6	93.0	108	132

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.89	7.58	6.62	5.52	4.39
P/B (lần)	1.81	1.49	1.23	1.02	0.84
Lợi suất cổ tức (%)	1.31	0.90	3.97	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	40.8	39.6	38.5	38.0	38.5
ROAA (%)	2.18	1.95	1.73	1.66	1.68
ROAE (%)	22.1	21.6	20.4	20.2	21.0
Chi phí huy động BQ (%)	3.18	3.17	4.18	3.88	3.64
Lợi suất góp BQ (%)	6.84	6.67	7.42	7.00	6.78
Lợi suất thuần (%)	3.66	3.50	3.23	3.12	3.14
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	3.87	3.67	3.51	3.49
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	7.88	9.72	10.1	9.76	9.48
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	74.3	76.2	79.4	78.2	78.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	17.9	14.0	10.5	12.0	12.2
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.1	28.2	28.5	28.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	6.84	26.3	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.8	10.2	10.0	9.47	9.42
VCSH/Tổng TS (%)	9.94	8.43	8.57	7.98	8.04
Đòn bẩy vốn (lần)	10.1	11.9	11.7	12.5	12.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.29	1.44	1.35	1.30
Hệ số LLR (%)	92.9	93.9	90.2	93.6	95.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	109	118	123	114	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	11.6	18.3	18.5	16.4	14.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.9	67.2	70.9	71.4	71.2

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	319	328	330	340	350
Số lượng nhân viên	18,639	18,836	19,778	21,360	22,214

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn